

Số: 1049 /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 1649/QĐ- BNNMT ngày 06/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y; số 1763/QĐ-BNNMT ngày 15/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư; số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y; số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y; số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư; số 2690/QĐ-BNNMT ngày 10/7/2026 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 về việc ủy quyền cho Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 về việc ủy quyền, giao giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y; số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 về việc ủy quyền thực hiện việc quyết định, cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Thủy sản; Nông nghiệp; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Môi trường; Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội tại Công văn số 10412/SNNMT-VP ngày 24/7/2026.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục 65 thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; bao gồm: 56 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh; 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết chung của cấp tỉnh và cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội; 06 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trong đó: 09 thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân quyền cho Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; 04 thủ tục hành chính Trung ương phân cấp cho cấp tỉnh; 08 thủ tục hành chính Trung ương phân cấp cho cấp tỉnh đồng thời thực hiện cắt giảm các quy định về thủ tục hành chính; 29 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm các quy định về thủ tục hành chính theo Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ; các Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026, số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ tục hành chính số 03, 04, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28/02/2027.

Các Quyết định: số 733/QĐ-TTPVHCC ngày 18/5/2026, số 760/QĐ-TTPVHCC ngày 20/5/2026, số 791/QĐ-TTPVHCC ngày 29/5/2026, số 884/QĐ-TTPVHCC ngày 24/6/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố phê duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố, các Sở, cơ quan tương đương Sở; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Công Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/điểm hỗ trợ DVC số;
- Lưu: VT, KSTTHC.

(để báo cáo)



**GIÁM ĐỐC**

**Phan Văn Phúc**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG**  
**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 1049/QĐ-TTPVHCC ngày 31 tháng 7 năm 2026  
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (56 TTHC)**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                         | Cách thức thực hiện                                | Phí, lệ phí                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                               |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                       |
| *   | Lĩnh vực Chăn nuôi (15 TTHC)                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                       |
| 01  | 01                                                                                                        | Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (1.011033) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không<br><br>-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội);<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ);<br>-Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày | Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                     |                    |                     |             | <p>13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ</i>);</p> <p>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ</i>);</p> <p>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là <i>Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ</i>);</p> <p>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi</p> |         |

| STT |  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |  |                        |                     |                    |                     |             | <p>trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội);</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội</p> |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                      | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú                                                                                               |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                             |                                                            |                                                    |                                                                                                                                       |             | <p>(sau đây gọi tắt là Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội);</p> <p>- Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền thực hiện việc quyết định, cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản chấp thuận lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản và thú y thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội).</p> |                                                                                                       |
| 02  | 02 | Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011030) | 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ | Không       | <p>-Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p>                                                                                                                                                                                                           | Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú                                                                                                                    |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                     |                                                             |                                                    | qua dịch vụ bưu chính.                                                                                                                                       |             | -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.<br>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |                                                                                                                            |
| 03  | 03 | Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học, triển lãm, quảng cáo (3.000125) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là            | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày |

| STT |  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú    |
|-----|--|------------------------|---------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |  |                        |                     |                    |                     |             | <p><i>Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ</i>);</p> <p>-Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi <i>(Sau đây gọi tắt là Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>;</p> <p>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường <i>(Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>;</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành</p> | 18/5/2026. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                                                               |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                       |                                                             |                                                    |                                                                                                                                                              |                                        | phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                       |
| 04  | 04 | Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba (1.014948) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | 850.000 đồng đối với 01 nguồn gen/lần. | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 24/2021/ TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                        | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                                                                                                          |
|-----|----|---------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                               |                     |                                                    |                                                                                                                                                            |             | trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                  |
| 05  | 05 | Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi (1.014741) | 10 ngày làm việc.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Sau đây gọi tắt là | Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết              | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện    | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú                      |
|-----|----|--------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
|     |    |                                            |                                  |                    |                        |             | <p><i>Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</i></p> <p>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.</p> |                              |
| 06  | 06 | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ  | Lựa chọn một trong các | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phân cấp; Cắt giảm thời gian |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                   | Thời hạn giải quyết              | Địa điểm thực hiện               | Cách thức thực hiện                                                                                                                 | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú                                                                                             |
|-----|----|------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    | nuôi (1.014743)                          | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.        | hành chính công thành phố Hà Nội | cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |             | của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | giải quyết theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 07  | 07 | Thông báo phương án chăn nuôi, phương án | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ                | Lựa chọn một trong các                                                                                                              | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Phân cấp; Cắt giảm                                                                                  |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                 | Thời hạn giải quyết       | Địa điểm thực hiện               | Cách thức thực hiện                                                                                                                 | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                                        |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen (1.014951) | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | hành chính công thành phố Hà Nội | cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |             | của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về chăn nuôi động vật khác thuộc Danh mục động vật khác được phép chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi (Sau đây gọi tắt là Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường);<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành | thời gian giải quyết. theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                                                                                                                |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                            |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            |             | phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                        |
| 08  | 08 | Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh (1.014958) | 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                         | Cách thức thực hiện                                                      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                                                           |
|-----|----|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                            |                                                                          |             | ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                   |
| 09  | 09 | Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi (1.014952) | -Trường hợp kê khai hoạt động chăn nuôi áp dụng với tất cả các cơ sở chăn nuôi thuộc đối tượng phải kê khai chăn nuôi: Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tự động cấp mã số định danh cho cơ sở ngay khi hoàn thành kê khai hoạt động chăn nuôi trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.<br>-01 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kê khai trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi (đối với cơ sở chăn nuôi không thuộc đối tượng phải kê khai chăn nuôi, cơ sở | Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn. | Trực tuyến toàn trình trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. | Không       | -Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | Phân cấp; Cắt giảm thời gian giải quyết. theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                        | Cách thức thực hiện                                                      | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                           |
|-----|----|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                    | thu gom, giết mổ, pha lóc, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm chăn nuôi, cơ sở kinh doanh chăn nuôi khác). |                                                                                           |                                                                          |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                   |
| 10  | 10 | Thu hồi mã số định danh cơ sở chăn nuôi (1.014953) | Không quy định                                                                                                | Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn | Trực tuyến toàn trình trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi. | Không quy định | -Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | Phân cấp theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                                        | Cách thức thực hiện                                                                  | Phí, lệ phí                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                           |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11  | 11 | Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi (1.014954)                                                                                            | Không quy định                                             | Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi tại địa chỉ tên miền csdlchannuoi.mae.gov.vn | Trực tuyến toàn trình trên Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi.             | Không quy định                        | -Thông tư số 66/2025/TT-BNNMT ngày 21/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | Phân cấp theo Thông tư 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 12  | 12 | Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (1.008122) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội                                        | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: | 350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026                     |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện                                                     | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú       |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|     |                        |                     |                    | toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |             | -Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 24/2021/ TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ</i> );<br>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành | của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                  | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                         |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            |             | phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền; giao giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).                                                                                      |                                                                                             |
| 13  | 13 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi (1.011031) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                    |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                 | Chính phủ;<br>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                        |                                                                                             |
| 14  | 14 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.008126) | a. Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br>b. Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | -Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần.<br>-Thẩm định | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                            | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        | mục đích thương mại, theo đặt hàng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. |                    |                     | cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế):<br>1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần.<br>-Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.<br><i>(Biểu mức thu phí trong chăn nuôi kèm theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021</i> | ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 24/2021/ TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                        | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                               |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            | <i>của Bộ trưởng Bộ Tài chính).</i>                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                             |
| 15  | 15 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Thẩm định lần đầu cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần, trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế. | -Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Quyết định số 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                                                |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                            |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                            | UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                        |
| *   |    | <b>Lĩnh vực Thú y (22 TTHC)</b>                                                                                                            |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                        |
| 16  | 01 | Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (1.011325) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Phí kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đơn hàng nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (trừ các đơn hàng nhập khẩu để làm mẫu nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, phi mậu dịch):<br>2.000.000 đồng/01 đơn hàng. | -Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ( <i>Sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ</i> );<br>-Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT;<br>-Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y; | Phân cấp theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                  | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                      | Phí, lệ phí                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                                        |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                         |                                                             |                                                    |                                                                          |                                                                                  | -Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y (sau đây gọi tắt là Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính);<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |                                                                |
| 17  | 02 | Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) (2.001872) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ | Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện                                                               | Phí, lệ phí                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú                                                                                                |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                        |                     |                    | trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng. | quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ</i> );<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ</i> );<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ (Sau đây gọi tắt là <i>Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ</i> );<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; | tịch UBND cấp tỉnh, cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 66.19/2026 /NQ-CP ngày 18/5/2026. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                      | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                                                                   |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                             |                                                             |                                                    |                                                                                                                                                            |                                                                                                                        | -Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                    |                                                                                                                                                           |
| 18  | 03 | Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) (1.003026) | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng. | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                    | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                               | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                                                |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                          |                                                        |                                                    |                                                                                                                                                   |             | -Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | 18/5/2026.                                                                                                             |
| 19  | 04 | Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký) (1.002992) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ | Không       | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;                 | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026 /NQ-CP |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                                                                                | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                                                                                                                |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                   | bưu chính.          |                                                                                                                                                  | -Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | ngày 18/5/2026.                                                                                                        |
| 20  | 05 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện (2.001558) | -Xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch: 01 ngày làm việc.<br>- Đối với lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội kiểm dịch động vật lưu động: Số 3, ngõ 94 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, thành phố Hà | Tiếp nhận trực tiếp | -Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản): Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật                                                            | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026 /NQ-CP |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết                                                                                        | Địa điểm thực hiện           | Cách thức thực hiện               | Phí, lệ phí                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                           |
|-----|----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|     |    |                                                       | dịch.<br>- Đối với lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. | Nội.                         |                                   | 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>-Chi phí khác. | Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP.<br>-Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản ( <i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> );<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | ngày 18/5/2026.                   |
| 21  | 06 | Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản (2.001515) | 01 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện việc                                                          | Trung tâm Phục vụ hành chính | Lựa chọn một trong các cách thức: | Không quy định                                           | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                               | Thời hạn giải quyết                                                             | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                   | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ghi chú                                                                                              |
|-----|----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                      | kiểm tra mẫu bệnh phẩm.                                                         | công thành phố Hà Nội                              | -Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |                | 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026 /NQ-CP ngày 18/5/2026. |
| 22  | 07 | Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản (2.001524) | 04 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến:                                  | Không quy định | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND                             |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                 | Địa điểm thực hiện                                                                                             | Cách thức thực hiện                                                     | Phí, lệ phí                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                | toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |                                                                                                                              | -Thông tư số 03/2026/TT-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026 /NQ-CP ngày 18/5/2026.                                                   |
| 23  | 08 | Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm (1.002571) | *)Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi tỉnh:<br>-Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội kiểm dịch động vật lưu động: Số 3, ngõ 94 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, thành phố | Tiếp nhận trực tiếp                                                     | -Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu theo quy định tại Thông tư số 101/2020/ | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 01/2026/TT-                                                                                                                          | Phân quyền thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Nghị quyết số 66.19/2026 |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|     |                        | <p>kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>-Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>-Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc kể từ ngày</p> | Hà Nội.            |                     | <p>TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>-Phí kiểm tra, giám sát động vật, sản phẩm động vật: theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>-Chi phí khác: Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP.</p> | <p>BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn (Sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 01/2026/TT-BNNPTNT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Văn bản giá hiện hành của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Giá và Nghị định 85/2024/NĐ-CP;</p> <p>-Quyết định số 1829/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội.</p> | /NQ-CP ngày 18/5/2026. |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------|---------|
|     |                        | <p>thực hiện kiểm dịch.</p> <p>-Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>*)Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu:</p> |                    |                     |             |                |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------|---------|
|     |                        | <p>-Cơ quan kiểm dịch gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>-Xác nhận vào Đơn khai báo kiểm dịch và thông báo cho chủ hàng về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp động vật không phải lấy mẫu xét nghiệm, không cách ly kiểm dịch: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>-Trường hợp động</p> |                    |                     |             |                |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------------|---------|
|     |                        | <p>vật phải lấy mẫu xét nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>-Trường hợp động vật phải cách ly kiểm dịch: không quá 45 ngày kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch.</p> <p>-Đối với sản phẩm động vật:</p> <p>+Trường hợp lô hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>+Trường hợp lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> <p>*)Đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu:</p> <p>-Trường hợp lô</p> |                    |                     |             |                |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                    | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                                                                   |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | hàng không phải lấy mẫu xét nghiệm: 01 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch.<br><br>-Trường hợp lô hàng phải lấy mẫu xét nghiệm: 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu thực hiện kiểm dịch.                                                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                           |
| 24  | 09 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) (1.011478) | -Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: Trong thời hạn 13 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br><br>-Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br><br>(Thời hạn giải quyết không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br><br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br><br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br><br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | -Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br><br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br><br>-Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (Sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i> );<br><br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng | Phân cấp 1 phần; Cắt giảm thời gian giải quyết theo Thông tư 22/2026/T T-BNNMT ngày 19/5/20226 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                 | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        | gian khắc phục sai lỗi; thời gian chờ kết quả xét nghiệm trong trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm). |                    |                     | Tài chính).<br>-Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật (Sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính</i> );<br>-Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2022/TT-BNNMT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật (Sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> );<br>-Thông tư số 22/2026/TT- |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                             | Phí, lệ phí                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                              |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                         |                                                    |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                              | BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |                                                                                                                      |
| 25  | 10 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) | -Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.<br>-Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.<br>(Thời hạn giải quyết không bao | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ | -Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 283/2016/TT-BTC                                                     | Phân cấp 1 phần; Cắt giảm thời gian giải quyết theo Thông tư 22/2026/T T-BNNMT ngày 19/5/20226 của Bộ trưởng Bộ Nông |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện    | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú             |
|-----|----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
|     |    | (1.011475)                               | gồm thời gian tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ; thời gian khắc phục sai lỗi; thời gian chờ kết quả xét nghiệm trong trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm). |                    | bưu chính.             | 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).<br>-Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 20/2026/TT-BNNMT ngày 03/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1878/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | ngành và Môi trường |
| 26  | 11 | Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (1.004756) | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận                                                                                                                          | Trung tâm Phục vụ  | Lựa chọn một trong các | 50.000 đồng/CCHN                                                                                                                                                                                                                                  | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cắt giảm thời gian  |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                       | Thời hạn giải quyết              | Địa điểm thực hiện               | Cách thức thực hiện                                                                                                                   | Phí, lệ phí                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú                                                                  |
|-----|----|----------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                              | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.        | hành chính công thành phố Hà Nội | cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính) | -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |
| 27  | 12 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (1.005319) | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ                | Lựa chọn một trong các                                                                                                                | 50.000 đồng/CCHN                                                                 | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                          |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết       | Địa điểm thực hiện               | Cách thức thực hiện                                                                                                                   | Phí, lệ phí                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú |
|-----|----|------------------------|---------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                        | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | hành chính công thành phố Hà Nội | cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính). | -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 09/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 28  | 13 | Gia hạn Chứng chỉ hành | 03 ngày làm việc          | Trung tâm                        | Lựa chọn một                                                                                                                          | 50.000                                                                            | -Luật Thú y số 79/2015/QH13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                     | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                       | Cách thức thực hiện                                                                                                                             | Phí, lệ phí                                                                                 | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú                       |
|-----|----|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|     |    | nghe thú y (2.001064)                                      | kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.          | Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính). | ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |                               |
| 29  | 14 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ | Trung tâm Phục vụ hành chính             | Lựa chọn một trong các cách thức:                                                                                                               | Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc                                                          | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cắt giảm thời gian giải quyết |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                    | Thời hạn giải quyết              | Địa điểm thực hiện    | Cách thức thực hiện                                                                                                   | Phí, lệ phí                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ghi chú                                                                           |
|-----|----|-------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|     |    | (1.014778)                                | hợp lệ.                          | công thành phố Hà Nội | -Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần. | 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/ TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |
| 30  | 15 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận | Trung tâm Phục vụ     | Lựa chọn một trong các                                                                                                | Không                                          | -Luật Thú y số 79/2015/QH13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                   |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                | Phí, lệ phí                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                          |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
|     |    | khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký (1.002373) | được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.                                  | hành chính công thành phố Hà Nội                   | cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính |                                                                | ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |                                                  |
| 31  | 16 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc-xin)       | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ                                                                                    | Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú                                    |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|     | (1.014777)             |                     |                    | trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | -Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.025.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.300.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng):<br>700.000 | -Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. | 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                                   |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            | đồng/lần.   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| 32  | 17 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký (1.002432) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội; |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                           |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            |             | -Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |         |
| 33  | 18 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)<br>(1.013811) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                        |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                             |
| 34  | 19 | Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (1.013813) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:<br>-Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.025.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.300.000 | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                            | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                   |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            | đồng/lần.<br>-Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng):<br>700.000 đồng/lần. | -Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                 |
| 35  | 20 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (1.002409) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.            | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng | Cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú                                                                                     |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                     |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                             |
| 36  | 21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin) (1.002549) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:<br>-Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.025.000 đồng/lần. | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; | Cắt giảm thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                             | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                |                                                    |                                                                                                                                                 | -Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.300.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng):<br>700.000 đồng/lần. | -Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                       |                                                                                                                 |
| 37  | 22 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) (1.013809) | - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Trường hợp cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định của pháp luật về thú y hiện hành, khi có nhu cầu sản xuất thuốc | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ | Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:<br>-Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền          | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ; | Cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                             | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú |
|-----|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                       | thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |                                                    | bưu chính.                                      | (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.025.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:<br>1.300.000 đồng/lần.<br>-Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng):<br>700.000 đồng/lần. | -Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/ TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| *   |    | <b>Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)</b>                                                                                    |                                                                                                                                                                                           |                                                    |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |         |
| 38  | 01 | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc | -Trường hợp cấp Giấy xác nhận: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;                                                                                                | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ | Không quy định                                                                                                                                                                                                                        | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                            | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện                                                                                                 | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú  |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     |    | phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)<br>(1.014834) | -Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. |                    | trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: Một phần trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |             | -Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ);<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1763/QĐ-BNNMT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |          |
| 39  | 02 | Công nhận kết quả khảo                                                                                                                                                          | -07 ngày làm việc                                                                              | Trung tâm          | Lựa chọn một                                                                                                        | Không quy   | -Luật Thủy sản số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cắt giảm |

| STT | Tên thủ tục hành chính           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện                       | Cách thức thực hiện                                                                                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú                                                                  |
|-----|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
|     | nghiệm giống thủy sản (1.004943) | kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);<br>-08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản. | Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | định        | 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là <i>Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i> );<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND | thời gian giải quyết theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú                                                                                               |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                    |                                                                                                                                                            |                | ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                       |
| 40  | 03 | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (1.004683) | -07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);<br>-08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không quy định | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2085/QĐ-BNNMT ngày 02/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND | Cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                               | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                      | nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                    |                                                                                                                                                                                 |                          | ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |
| 41  | 04 | Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (1.004794) | <p>-Trường hợp cấp mới: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>-Trường hợp cấp lại (trong trường hợp giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản được cấp bản giấy bị mất hoặc bị hỏng hoặc giấy phép có thay đổi địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | <p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;</p> <p>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | Chưa có văn bản quy định | <p>-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (<i>Sau đây gọi tắt là Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục</p> |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                      | Phí, lệ phí              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                 |                                                    |                                                                                                                                          |                          | <p>hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (<i>Sau đây gọi tắt là Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường</i>);</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.</p> |         |
| 42  | 05 | Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (2.001694) | <p>-Trường hợp cấp mới: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>-Trường hợp cấp lại (trong trường hợp giấy phép nhập khẩu giống thủy sản được cấp bản</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | <p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;</p> | Chưa có văn bản quy định | <p>-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 16/2026/TT-BNNMT ngày 09/3/2026 của Bộ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ghi chú |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                   | giấy bị mất hoặc bị hỏng hoặc giấy phép có thay đổi địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu): 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.                                                                                |                                                    | - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.                                                                                                                           |             | trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 814/QĐ-BNNMT ngày 11/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 43  | 06 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.004923) | 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó:<br>+Thông báo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;<br>+Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản (sau đây                |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết     | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------|--------------------|---------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        | định: 33 ngày làm việc. |                    |                     |             | <p><i>gọi tắt là Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</i></p> <p>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Thủy sản; Nông nghiệp; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Môi trường; Thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố <i>(Sau đây gọi tắt là Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội).</i></p> |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                    | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cách thức thực hiện                                | Phí, lệ phí                                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 44  | 07                     | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) (1.004921) | -Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;<br>-Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 35 ngày làm việc. Trong đó:<br>+ Thông báo nội | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không          | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                      | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ghi chú |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                               | dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ;<br>+ Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc. |                                                    |                                                                                                                                                            |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 45  | 08 | Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế) (1.003851) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.                                                                                               | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây |         |

| STT       |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                         | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ghi chú |
|-----------|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|           |    |                                                                                                                |                     |                                                    |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                        | <p><i>gọi tắt là Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường);</i></p> <p>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội).</p>                                                                                                                                                                                                                       |         |
| <b>II</b> |    | <b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI CỤC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN VÀ THÚ Y HÀ NỘI</b> |                     |                                                    |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| <b>*</b>  |    | <b>Lĩnh vực Thú y (03 TTHC)</b>                                                                                |                     |                                                    |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| 46        | 01 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (1.004022)                                                    | 05 ngày làm việc.   | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | <p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn phần trên Cổng dịch vụ công;</p> <p>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | <p>Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ dùng trong thú y: 900.000 đồng/ lần</p> | <p>-Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;</p> <p>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>-Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển</p> |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                 | Cách thức thực hiện  | Phí, lệ phí                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                    |                      |                                                                                                                               | nông thôn;<br>-Thông tư số 285/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 09/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 47  | 02 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (1.002338) | 01 ngày làm việc hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch, cụ thể như sau:<br>-Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội kiểm dịch động vật lưu động: xóm 3, ngõ 94 Cầu Brou, phường Thanh Liệt, thành phố Hà | Tiếp nhận trực tiếp. | -Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:<br>Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC                                                                            |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Ghi chú |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        | <p>kể từ ngày thực hiện kiểm dịch;</p> <p>-Đối với động vật xuất phát từ cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch;</p> <p>-Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y 2015: 05 ngày làm việc kể từ ngày</p> | Nội.               |                     | <p>Tài chính;</p> <p>-Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> | <p>ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;</p> <p>-Quyết định số 106/QĐ-BNNMT ngày 13/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</p> |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm thực hiện            | Cách thức thực hiện  | Phí, lệ phí                        | Căn cứ pháp lý                                                                          | Ghi chú |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                    | <p>thực hiện kiểm dịch;</p> <p>-Đối với sản phẩm động vật đã được lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh đã được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc cơ sở không phải thực hiện kiểm tra vệ sinh thú y định kỳ theo quy định của pháp luật về thú y: 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.</p> |                               |                      |                                    |                                                                                         |         |
| 48  | 03 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản | +Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đội | Tiếp nhận trực tiếp. | -Mục 3 Biểu phí, lệ phí trong công | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Địa điểm thực hiện                                                                        | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí                                                                                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú           |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|     | vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (2.000873) | sơ, Cơ quan kiểm dịch thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch;<br>+Đối với trường hợp kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch.<br>+Đối với các trường hợp khác: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm dịch. | kiểm dịch động vật lưu động: xóm 3, ngõ 94 Cầu Brou, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội. |                     | tác thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.<br>-Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. | 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 03/2026/TT-BNNPTNT ngày 13/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định số 318/QĐ-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |                   |
| *   | <b>Lĩnh vực Thủy sản (08 TTHC)</b>             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                           |                     |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   |
| 49  | 01                                             | Cấp, cấp lại Giấy chứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | -Trường hợp cấp                                                                           | Trung tâm           | Lựa chọn một                                                                                                                                                                                                           | Chưa có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | -Luật Thủy sản số |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    | nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (1.004918) | Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.<br>-Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.                 | Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội           | trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.              | văn bản quy định.                                                                                                                            | 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 50  | 02 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (1.004915)                                    | -Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.<br>-Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Mức thu phí: 5.700.000 đồng/lần (Mức phí trên chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,                                             |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                               | Thời hạn giải quyết                                                                                                  | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú |
|-----|----|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                      |                                                                                                                      |                                                    |                                                                                                                                                              | định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).                      | chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |
| 51  | 03 | Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (1.004359) | - Cấp mới: 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Cấp lại: 03 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | -Lệ phí cấp mới: 40.000 đồng/lần.<br>-Lệ phí cấp lại: 20.000 đồng/ lần | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                          |                                                            |                                                    |                                                                                                                                                                                 |                           | <p>doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản (sau đây gọi tắt là <i>Thông tư số 94/2021/TT-BTC</i> ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính);</p> <p>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.</p>                |         |
| 52  | 04 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. (1.004913) | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | <p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;</p> <p>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | Chưa có văn bản quy định. | <p>-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;</p> <p>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND</p> |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                         | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú |
|-----|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                             |                                                    |                                                                                                                                                              |                           | ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |
| 53  | 05 | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (1.004692) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.  | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Chưa có văn bản quy định. | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 54  | 06 | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam (1.004344)                                                                                                                                                                                                                  | 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;                                      | Chưa có quy định          | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và                                                                                                                                                  |         |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                 | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                    | -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.                                                                                                                          |                                                                                              | Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |         |
| 55  | 07 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) (1.003741) | - Cấp lần đầu:<br>+Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>+Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu: 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>-Cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | -Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần. | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |         |
| 56  | 08 | Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào                                                                                          | 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.                                                                                                                                                                                                                                                      | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;                                                                                                 | Không                                                                                        | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 74/2025/TT-BNNMT ngày 26/12/2025 của                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính     | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện                                                                            | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     | Hoa Kỳ (COA)<br>(2.002819) |                     |                    | -Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |             | Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ;<br>-Quyết định số 5807/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Thông báo số 683/TB-TSKN ngày 07/3/2026 của Cục Thủy sản và Kiểm ngư về Danh sách cơ quan, người có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đủ điều kiện xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội. |         |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CHUNG CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (03 TTHC)**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                              | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| *   | <b>Lĩnh vực Thú y (03 TTHC)</b>                                     |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                            |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                 |
| 57  | 01 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.001686) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | (1) Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội ( <i>Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội</i> ).<br>(2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội ( <i>Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của</i> | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội; | Cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                               | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú                                                                                                         |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                      |                                                            | UBND thành phố Hà Nội).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                            |                                                                                  | -Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                 |
| 58  | 02 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.014779) | 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | (1) Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).<br>(2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết định số 2256/QĐ- | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ;<br>-Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;<br>-Quyết định 1649/QĐ-BNNMT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của | Cắt giảm thời gian giải quyết và thành phần hồ sơ theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 06/5/2026 của Chính phủ |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                               | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |    |                                                                      |                                                            | UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                            |             | UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |
| 59  | 03 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.004839) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | (1) Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội).<br><br>(2) Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường theo Quyết | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ;<br>-Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 05/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ;<br>-Quyết định 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của |         |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                              | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                        |                     | định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội). |                     |             | UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND thành phố Hà Nội;<br>-Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội. |         |

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (06 TTHC)

| STT      | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                                                                                          | Địa điểm thực hiện                                    | Cách thức thực hiện                                                             | Phí, lệ phí                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                        |
|----------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> |                        | <b>Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)</b>                                                                                              |                                                       |                                                                                 |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                       |
| 60       | 01                     | Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) (1.013997) | 25 ngày làm kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không<br><br>-Nghị định 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 2313/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| <b>*</b> |                        | <b>Lĩnh vực Thủy sản (05 TTHC)</b>                                                                                           |                                                       |                                                                                 |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                       |
| 61       | 01                     | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc                                                                 | 35 ngày làm việc. Trong đó:<br>+Thông báo Phương án   | Điểm hỗ trợ dịch vụ công số,                                                    | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;                                                                                                 | Không<br><br>-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;                                                                             |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                                                              | Cách thức thực hiện                                                                                                                                        | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    | địa bàn quản lý) (1.003956)                                                                                                   | bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; +Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.                                                                                                                                                                                                     | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội                              | -Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công; -Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.                                                                  |             | -Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.                                                                 |
| 62  | 02 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.004498) | -Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;<br>-Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án | Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: một phần trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Không       | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện                                                              | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    |                                                                                                                                                                                                    | <p>bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 35 ngày làm việc. Trong đó:</p> <p>+Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;</p> <p>+Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc.</p> |                                                                                 |                                                                                                                                                                                 |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 63  | 03 | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (1.004680) | <p>-03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>-07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo.</p>    | Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội | <p>Lựa chọn một trong các cách thức:</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tiếp;</p> <p>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;</p> <p>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.</p> | Không       | <p>-Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;</p> <p>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;</p> <p>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;</p> <p>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> |
| 64  | 04 | Xác nhận nguồn gốc                                                                                                                                                                                 | 05 ngày làm việc.                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điểm hỗ trợ                                                                     | Lựa chọn một trong                                                                                                                                                              | Không       | -Luật Thủy sản số                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

| STT |    | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                        | Địa điểm thực hiện                                                               | Cách thức thực hiện                                                                                                                                          | Phí, lệ phí               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |    | loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (1.004656)                                                                      |                                                            | dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội              | các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính.                    |                           | 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;<br>-Quyết định số 53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. |
| 65  | 05 | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) (1.014801) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. | Điểm hỗ trợ dịch vụ công số, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. | Lựa chọn một trong các cách thức:<br>-Nộp hồ sơ trực tiếp;<br>-Nộp hồ sơ trực tuyến: toàn trình trên Cổng dịch vụ công;<br>-Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. | Chưa có văn bản quy định. | -Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội;<br>-Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;<br>-Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>-Quyết định số 339 /QĐ-BNNMT ngày 28/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.  |